TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Án số: 18/2023/HNGĐ - ST Ngày 28/4/2023 V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Đoàn
2. Ông Lê Đình Cự

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 24/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023, về việc: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1975

Nơi thường trú: Thôn VT, xã HB, huyện ĐH, tỉnh TB

Chỗ ở hiện nay: Thôn ĐT, xã HG, huyện ĐH, tỉnh TB.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Khắc H1, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn VT, xã HB, huyện ĐH, tỉnh TB

Người đại diện theo pháp luật cho ông H1: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn ĐK, xã HB, huyện ĐH, tỉnh TB

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H1: Bà Đinh Thị Thu T1 - trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh TB.

(Tại phiên tòa có mặt bà T1. Vắng mặt bà H, ông H1, bà T. Bà H, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn bà Hoàng Thị H trình bày: Bà và ông Nguyễn Khắc H1 kết hôn do tự nguyện, có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HC nay là xã HB, huyện ĐH, tỉnh TB vào ngày 29/8/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung hạnh phúc đến tháng 8/2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2005 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn bà xin được ly hôn ông Nguyễn Khắc H1.

Về con chung: Bà và ông H1 có 01 con chung là Nguyễn Khắc H2, sinh ngày 09/02/2005. Ly hôn, con chung đã trưởng thành, tự lập về kinh tế không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Bà và ông H1 không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Khắc H1 là bị đơn khai. Ông và bà Hoàng Thị H kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HC (nay là xã HB), huyện ĐH, tỉnh TB vào năm 2003. Bà H xin ly hôn, ông H1 đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông H1 và bà H có 01 con chung là Nguyễn Khắc H2, sinh ngày 09/02/2005. Ly hôn, con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Ông và bà H không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị T là đại diện theo pháp luật của ông H1 nhất trí với lời khai của ông H1.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn - bà Hoàng Thị H đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn - ông Nguyễn Khắc H1 chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị H : Xử cho bà H được ly hôn ông Nguyễn Khắc H1. Về con chung: Ông H1 và bà H có 01 con chung là Nguyễn Khắc H2, sinh ngày 09/02/2005. Ly hôn, con chung đã trưởng nên thành không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, bà H và ông H1 thống nhất không không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó không giải quyết về tài sản chung vợ chồng giữa bà H và ông H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Khắc H1 có nơi thường trú tại xã HB, huyện ĐH, tỉnh TB, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái

Bình giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Bị đơn ông Nguyễn Khắc H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vẫn vắng mặt tại phiên tòa, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông H1, bà T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H kết hôn với ông H1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HC nay là xã HB, huyện ĐH, tỉnh TB vào ngày 29/8/2003 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã HB, huyện ĐH, tỉnh TB thì quá trình chung sống do hoàn cảnh gia đình nên bà H đưa con về nhà ngoại để bố mẹ bà H trông con cho bà H đi làm. Anh H1 là người có sổ điều trị tâm thần và được lĩnh trợ cấp xã hội hàng tháng. Bà H xin ly hôn ông H1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy, bà H và ông H1 đã sống ly thân từ lâu, từ năm 2005, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H xử cho bà H được ly hôn ông H1 là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Ông H1 và bà H có 01 con chung là Nguyễn Khắc H2, sinh ngày 09/02/2005. Ly hôn, con chung đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Ông H1 và người đại diện theo pháp luật của ông H1, bà H thống nhất không có tài sản chung, không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết về tài sản chung giữa bà H và ông H1.

[3]Về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Bà H, ông H1, bà T, bà T1 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 266; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Hoàng Thị H được ly hôn ông Nguyễn Khắc H1.

2. Về con chung: Bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Khắc H1 có 01 con chung là Nguyễn Khắc H2, sinh ngày 09/02/2005. Con chung đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tòa án không giải quyết về tài sản.

4. Về án phí: Bà Hoàng Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng bà H đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003125 ngày 21/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà H, ông H1, bà T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã HB;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Phạm Thị Lan Phương